

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên sau thông tin TP Hồ Chí Minh cho phép các dịch vụ ăn uống mở cửa trở lại vào đầu tuần sau

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay, chịu ảnh hưởng từ diễn biến tiêu cực của TTCK thế giới.

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, PNJ

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tiếp tục từng bước gia tăng vị thế ngắn hạn trở lại trong các nhịp điều chỉnh.

26/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,168.47	+0.26
VN30	1,173.60	+0.32
HĐTL VN30F1M	1,174.00	-0.68
HNXIndex	249.22	+1.23
HNX30	365.43	+0.45
UPCoM	76.64	+0.21
USD/VND	23,018	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.36	+6
Lãi suất qua đêm (%)	0.23	+9
Dầu (WTI, \$)	62.92	-0.96
Vàng (LME, \$)	1,766.60	-0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,168.47 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 554.5 (+18.3%)
GTGD (triệu US\$) 646.0 (+11.4%)

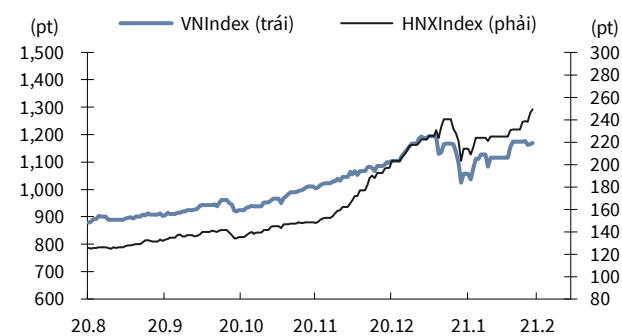
HNXIndex 249.22 (+1.23%)
KLGD (triệu CP) 123.3 (+6.8%)
GTGD (triệu US\$) 82.6 (+1.8%)

UPCoM 76.64 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 91.9 (+81.1%)
GTGD (triệu US\$) 29.3 (+33.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -19.6

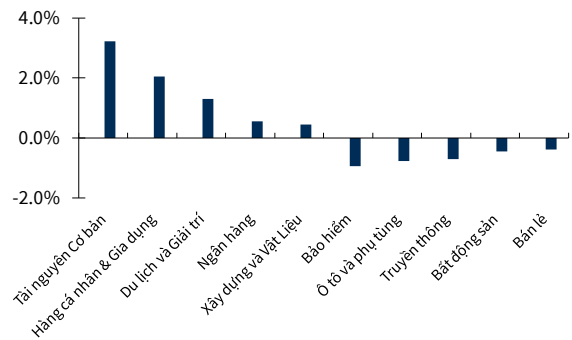
TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên sau thông tin TP Hồ Chí Minh cho phép các dịch vụ ăn uống mở cửa trở lại vào đầu tuần sau, sau khi thành phố trải qua 14 ngày không có ca nhiễm mới trong cộng đồng. Cổ phiếu nhóm bất động sản tăng giá ở DIG (+4.8%), HDG (+1.6%), VIC (+0.1%) trước nhận định từ Savills về triển vọng tích cực của thị trường bất động sản, bất chấp tác động từ đợt dịch Covid-19 lần thứ 3. Theo báo cáo bán hàng của Hiệp hội ô tô ASEAN, Việt Nam xếp thứ 4 về lượng tiêu thụ ô tô trong khu vực Đông Nam Á trong năm 2020 giúp cổ phiếu ô tô tăng giá ở HAX (+3.1%). Cổ phiếu HPG (+3.3%) tăng giá sau khi doanh nghiệp lên phương án sản xuất container với công suất 500,000 TEU/năm, giải quyết đầu ra cho 1 triệu tấn HRC của nhà máy thép Dung Quất, kéo theo cổ phiếu cùng ngành tăng giá ở NKG (+7%), HSG (+2.7%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở VNM (+0.2%), VRE (-1.6%), DXG (+2.2%).

VNIndex & HNXIndex



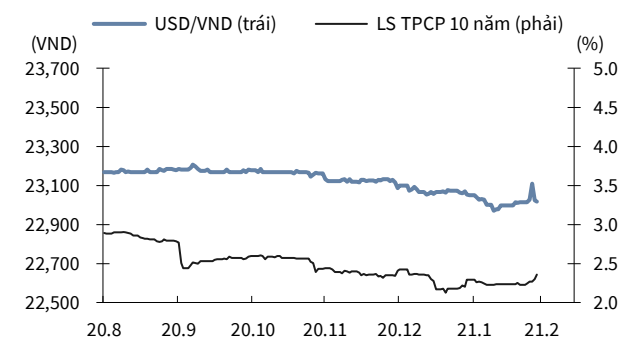
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

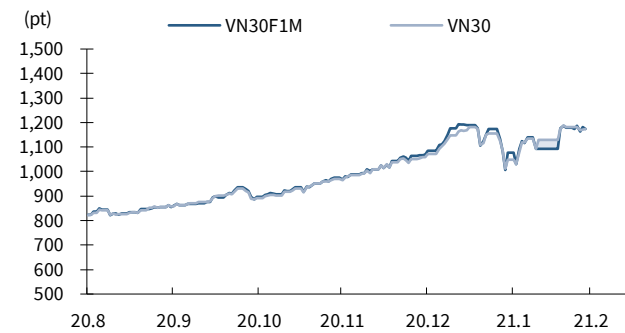
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,173.60 (+0.32%)
VN30F1M	1,174.0 (-0.68%)
Mở cửa	1,161.8
Cao nhất	1,179.9
Thấp nhất	1,146.1

HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay, chịu ảnh hưởng từ diễn biến tiêu cực của TTCK thế giới. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức -6.62 trước khi giao động từ -1.2 và 4.6 trong phiên sáng. Độ lệch sụt giảm mạnh trong đầu phiên chiều xuống mức -15.6 trước khi hồi phục và đóng cửa ở mức 0.4. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản không có nhiều thay đổi.

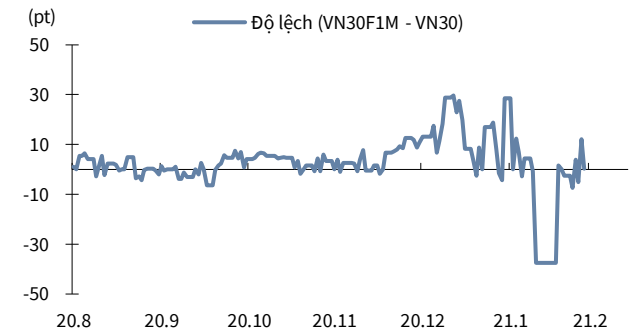
KLGD (HĐ) **200,856 (-3.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



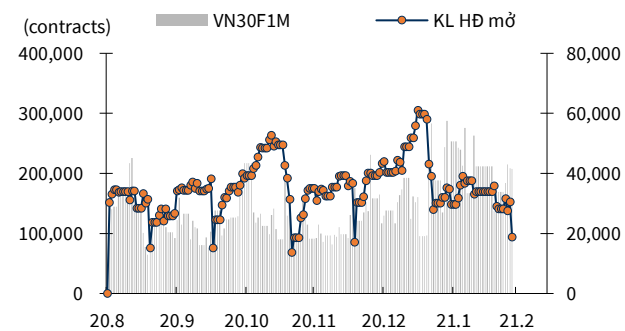
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



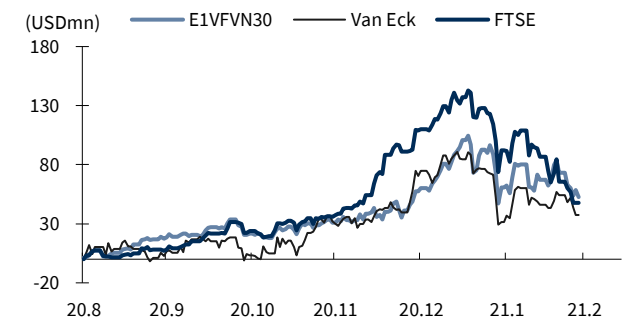
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

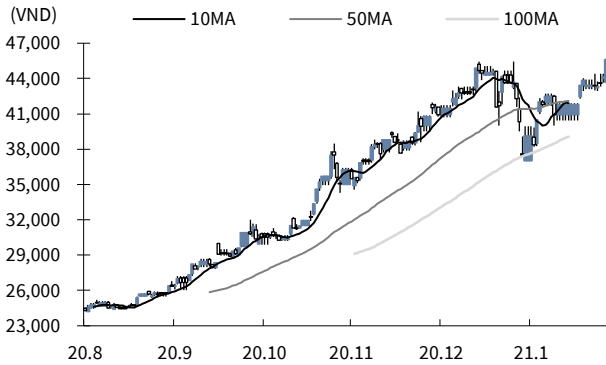
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Hòa Phát (HPG)

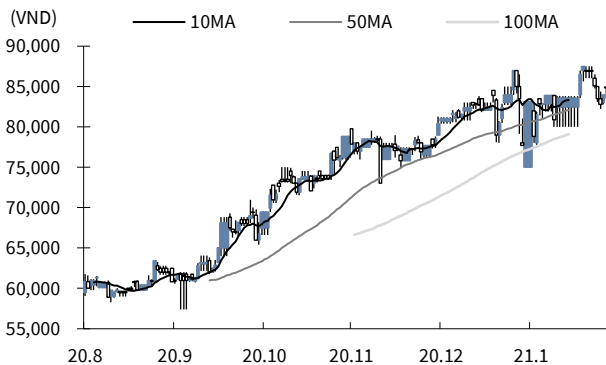


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 3.3% lên 45,600 VNĐ/cp.

- HPG lên phương án sản xuất vỏ container với công suất 500,000 TEU/năm, và là sản phẩm giá trị gia tăng nằm trong hệ sinh thái sản xuất gang thép của HPG. Dự kiến đầu quý II năm sau, Hòa Phát có thể cung cấp ra thị trường container rộng với giá thành cạnh tranh cũng như giải quyết đầu ra cho 1 triệu tấn HRC của nhà máy thép Dung Quất.

Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 1.1% lên 84,900 VNĐ/cp.

- PNJ thông báo kết quả kinh doanh tháng 1 với lợi nhuận 168 tỷ đồng (+2.5% YoY) và doanh thu đạt 2,170 tỷ đồng (+30.2%). Trong đó, doanh thu mảng bán lẻ chiếm 55.5% tổng doanh thu ghi nhận tăng 10% yoy nhờ chương trình truyền thông, tiếp thị và thúc đẩy bán hàng qua kênh online và offline. Doanh thu mảng bán sỉ và vàng miếng tăng mạnh lên lần lượt 34% và 79% so với cùng kỳ năm trước

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

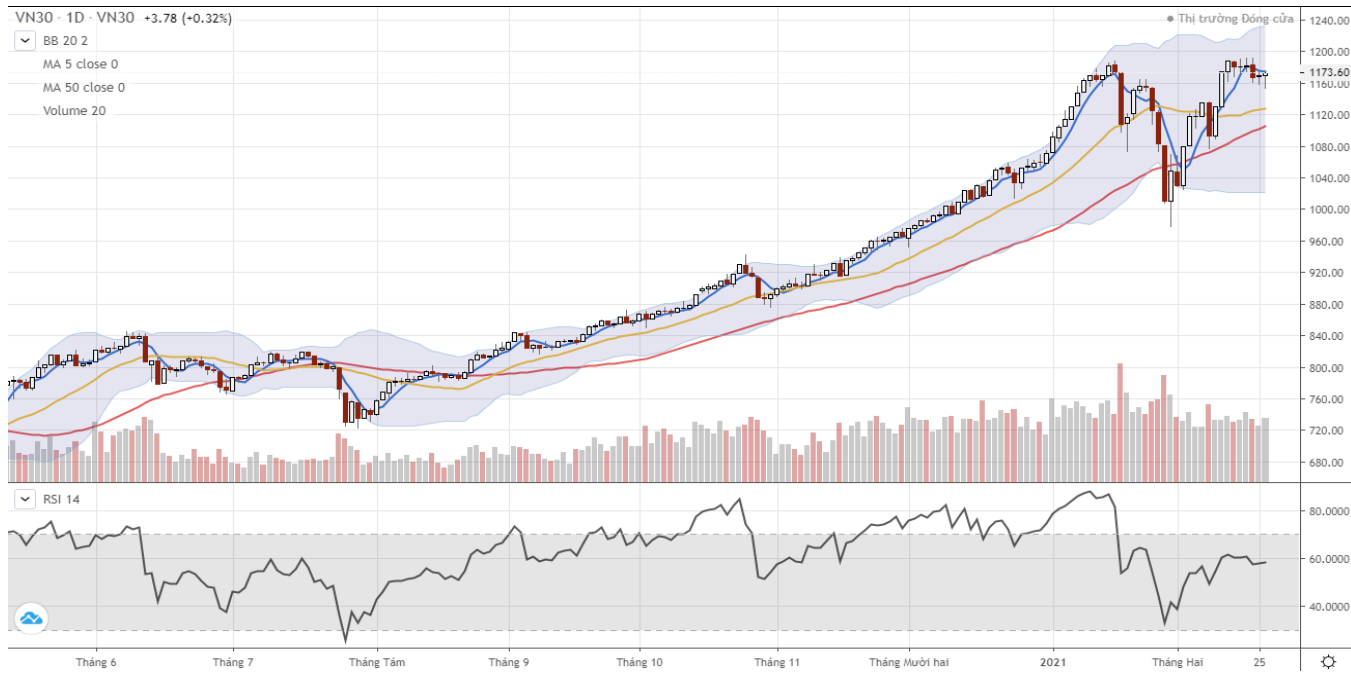
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



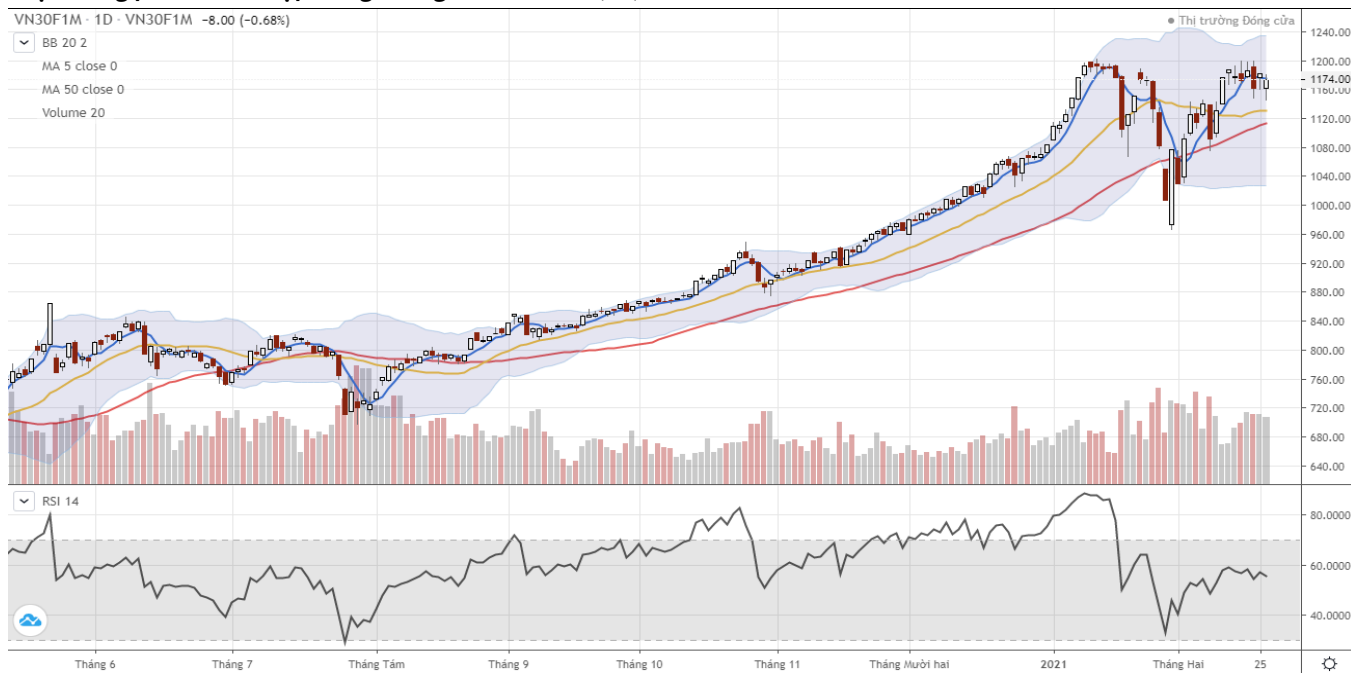
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm mạnh đầu phiên nhưng đã sớm lấy lại đà phục hồi trong phiên.
- Diễn biến tích cực của phiên hôm nay giúp giảm bớt rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh của thị trường. Tuy nhiên, chỉ số cần sớm vượt qua được vùng cản gần tại 1172-1177 để tiếp nối xu hướng tăng điểm.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tiếp tục từng bước gia tăng vị thế ngắn hạn trở lại trong các nhịp điều chỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1205 - 1210

Kháng cự gần: 1184 - 1189

Hỗ trợ gần: 1162 - 1167

Hỗ trợ xa: 1142 - 1147

— F1 mở gap giảm điểm mạnh đầu phiên, diễn biến giằng co và phục hồi tốt trong đầu phiên chiều.

— Việc phản ứng tích cực với vùng hỗ trợ quanh 1145 giúp giảm bớt đáng kể rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh của chỉ số. Tuy nhiên, F1 cần sớm vượt qua được vùng cản gần tại 1184-1189 để xác nhận khả năng tiếp nối xu hướng tăng điểm.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

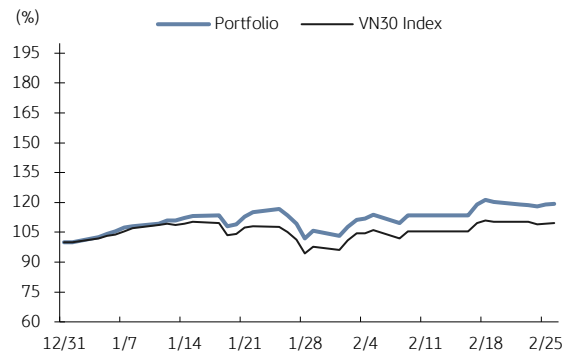
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.32%	0.50%
Tăng lũy kế (YTD)	9.60%	19.43%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,000	-0.5%	16.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	36,200	-0.4%	48.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,900	1.1%	10.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,650	1.3%	62.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,700	0.5%	66.8%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	76,200	0.0%	127.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	37,250	-0.1%	52.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	89,300	0.1%	21.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	45,600	3.3%	133.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	39,000	-0.3%	184.7%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VJC	0.1%	19.1%	22.9
HPG	3.3%	30.8%	22.4
GAS	0.1%	2.8%	17.2
MBB	1.3%	23.2%	12.8
PNJ	1.1%	49.0%	8.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.2%	57.6%	-137.1
VRE	-1.6%	31.1%	-75.4
DXG	2.2%	34.7%	-46.1
MSN	0.8%	32.6%	-42.2
HDB	-1.4%	17.4%	-37.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	10.0%	0.1
NVB	0.7%	7.9%	0.7
THD	2.6%	33.6%	0.6
SHB	0.0%	5.4%	0.4
BNA	-2.6%	0.8%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	9.7%	3.9%	-4.7
CSC	5.6%	1.8%	-1.4
BVS	-1.4%	12.7%	-1.2
IDJ	-1.3%	3.0%	-0.9
TIG	4.9%	14.2%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	5.7%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	5.0%	HPG, HSG
Dầu khí	3.5%	PLX, PVD
Hóa chất	1.7%	GVR, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%	GIL, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.6%	BVH, BMI
Ô tô và phụ tùng	-3.1%	TCH, DRC
Thực phẩm và đồ uống	-2.9%	VNM, MSN
Truyền thông	-1.8%	YEG, PNC
Bán lẻ	-1.4%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	20.3%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	17.4%	FPT, CMG
Tài nguyên Cơ bản	16.1%	HPG, HSG
Hóa chất	15.4%	GVR, DGC
Ngân hàng	14.2%	TCB, CTG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.7%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-2.2%	TCH, SVC
Y tế	-2.8%	OPC, DHG
Bảo hiểm	-4.0%	PGI, BMI
Bán lẻ	-4.1%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	109,000	368,685 (16,017)	155,242 (6.7)	22.6	44.7	31.5	11.1	8.5	11.0	3.5	3.2	0.1	0.0	7.4	0.7
	VHM	VINHOMES JSC	101,600	334,215 (14,519)	313,575 (13.6)	26.6	10.8	8.7	37.1	30.6	29.4	3.0	2.2	-1.2	-1.5	3.7	13.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,200	75,441 (3,277)	198,059 (8.6)	17.9	24.7	18.3	-7.6	10.2	12.3	2.5	2.3	-1.6	-3.8	10.3	5.7
	NVL	NO VA LAND INVES	79,600	84,691 (3,679)	221,093 (9.6)	31.5	19.6	17.6	6.4	12.1	11.5	2.5	2.2	-0.5	-0.9	-1.7	22.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,900	17,826 (774)	47,627 (2.1)	12.0	14.4	9.7	17.7	15.1	19.4	2.0	1.7	-1.5	-5.9	-8.3	8.9
	DXG	DAT XANH GROUP	23,500	12,180 (529)	200,359 (8.7)	14.3	9.8	8.8	-	19.0	18.4	1.6	1.4	2.2	-2.7	6.8	47.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	98,200	364,212 (15,822)	142,094 (6.2)	6.3	17.7	14.3	17.8	20.5	21.3	3.2	2.6	0.0	-3.1	-2.7	0.3
	BID	BANK FOR INVESTM	43,600	175,360 (7,618)	74,391 (3.2)	12.7	18.0	11.5	4.9	12.7	16.5	2.0	1.8	1.5	-1.1	2.5	-9.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	39,250	137,568 (5,976)	644,725 (28.0)	0.0	9.8	8.5	14.4	17.6	17.0	1.6	1.3	0.4	1.4	12.1	24.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,250	138,697 (6,025)	368,859 (16.0)	1.6	10.4	8.3	61.0	15.3	16.0	1.5	1.2	-0.1	0.7	8.0	7.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	40,000	98,190 (4,266)	258,711 (11.2)	0.0	8.6	7.3	18.8	19.3	19.0	1.6	1.3	1.0	-1.5	18.2	23.1
	MBB	MILITARY COMMERC	27,650	77,386 (3,362)	501,033 (21.8)	0.0	7.7	6.4	14.6	19.4	20.6	1.4	1.1	1.3	3.0	8.0	21.3
	HDB	HDBANK	25,150	40,083 (1,741)	102,773 (4.5)	4.1	7.5	6.5	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	-1.4	-1.6	2.7	5.9
	STB	SACOMBANK	18,350	33,097 (1,438)	431,169 (18.7)	14.2	12.6	7.6	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	-0.8	-1.9	1.4	8.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,550	28,422 (1,235)	56,806 (2.5)	0.0	8.6	6.9	37.5	18.4	19.0	1.4	1.2	0.7	-0.5	3.2	2.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,100	22,253 (967)	14,429 (0.6)	0.2	29.8	23.6	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	0.0	-2.2	-3.7	-6.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	59,100	43,871 (1,906)	46,980 (2.0)	21.1	28.1	24.6	15.2	8.1	8.6	2.1	2.0	-0.8	-3.9	-2.3	-10.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,400	2,320 (101)	8,472 (0.4)	14.2	-	-	8.4	-	-	-	-	-2.3	-4.7	-7.3	-17.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,200	19,887 (864)	440,975 (19.2)	56.3	17.1	15.1	0.0	11.6	12.0	-	-	-0.7	0.2	3.8	0.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	53,800	8,909 (387)	60,124 (2.6)	72.1	11.5	-	-4.0	17.9	-	-	-	-0.4	-3.6	-4.9	-7.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,150	8,892 (386)	130,561 (5.7)	52.9	16.8	-	-19.0	12.1	-	-	-	-0.5	0.3	-2.2	-7.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,700	5,776 (251)	116,502 (5.1)	27.5	-	-	36.7	11.2	-	-	-	-0.5	0.4	6.1	-7.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	104,800	219,027 (9,515)	330,573 (14.4)	42.4	19.2	17.8	4.0	37.5	37.0	6.4	5.6	0.2	-3.0	-1.8	-3.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,000	120,561 (5,237)	35,512 (1.5)	36.9	22.8	19.8	7.3	25.4	26.3	5.2	4.7	0.3	-1.9	-1.1	-3.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	90,300	106,074 (4,608)	160,973 (7.0)	16.5	40.8	26.5	-51.9	11.4	18.4	3.8	4.0	0.8	-4.8	-5.4	1.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,500	12,748 (554)	70,793 (3.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.9	-8.0	-9.4	-21.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	135,100	70,771 (3,074)	89,119 (3.9)	10.9	45.8	21.6	-88.3	14.1	18.3	4.3	3.7	0.1	2.5	3.1	8.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,500	10,096 (439)	90,183 (3.9)	10.3	22.4	16.8	-57.3	7.5	9.5	1.6	1.5	1.5	0.0	4.0	2.8
	CII	HO CHI MINH CITY	21,300	5,087 (221)	51,787 (2.2)	38.5	10.5	7.0	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-0.9	-2.3	-2.7	-0.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,400	1,930 (84)	82,454 (3.6)	46.4	-	-	-89.3	-	-	-	-	-2.6	-4.8	30.3	34.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,100	10,170 (442)	104,381 (4.5)	37.6	12.2	7.5	-13.8	12.4	17.5	-	-	0.5	-3.4	-1.9	-6.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,900	5,490 (238)	64,790 (2.8)	3.7	10.3	10.2	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-1.2	1.4	-6.7	-4.9
	REE	REE	56,700	17,523 (761)	55,733 (2.4)	0.0	10.2	9.2	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	0.5	-3.2	6.2	15.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	89,300	170,916 (7,425)	99,697 (4.3)	46.2	17.2	16.3	-18.6	19.8	20.5	3.4	3.4	0.1	0.4	7.2	3.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,450	6,463 (281)	16,321 (0.7)	31.7	13.2	9.8	-10.5	11.9	15.9	1.5	1.5	-0.2	-2.4	-8.4	-8.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,700	8,881 (386)	11,095 (0.5)	34.1	12.1	11.6	-5.3	11.2	12.4	1.4	1.4	-0.5	4.7	-1.6	13.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	45,600	151,086 (6,564)	1,152,836 (50.1)	18.2	9.9	8.6	25.2	23.0	22.3	2.2	1.7	3.3	4.9	7.8	10.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,850	6,594 (286)	34,563 (1.5)	36.7	10.0	11.2	0.2	8.9	7.7	0.8	0.8	-0.3	-3.4	-4.3	-10.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,500	7,147 (310)	38,584 (1.7)	46.6	16.1	15.1	-4.3	8.1	8.4	1.1	1.1	0.7	-2.2	-2.9	-3.6
	HSG	HOA SEN GROUP	26,500	11,774 (511)	261,020 (11.3)	39.5	9.6	8.2	67.9	17.1	16.1	1.5	1.3	2.7	5.4	5.4	19.6
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,300	3,171 (138)	37,082 (1.6)	97.3	8.7	8.4	21.9	10.8	11.0	0.8	0.8	0.0	0.0	-0.7	-0.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	58,200	70,935 (3,082)	70,830 (3.1)	4.8	21.9	17.8	-49.7	15.9	17.2	3.1	3.0	-0.3	3.6	10.6	6.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	267,224 (11.6)	40.3	52.8	26.0	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	-0.2	3.3	20.9	44.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,050	5,518 (240)	102,774 (4.5)	36.2	9.8	9.1	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.9	-0.9	-2.0	-4.2	21.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	135,000	62,927 (2,734)	209,999 (9.1)	0.0	12.5	9.7	13.7	28.0	28.5	3.1	2.6	-0.5	-1.9	2.3	13.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,900	19,303 (839)	57,163 (2.5)	0.0	15.6	12.4	7.0	22.9	24.1	3.2	2.5	1.1	-2.3	-0.1	4.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,700	1,242 (054)	1,607 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-2.0	14.1	-13.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,000	2,211 (096)	42,085 (1.8)	30.2	17.4	13.2	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	-0.2	-3.9	-8.2	-12.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,000	8,265 (359)	58,586 (2.5)	34.5	10.0	10.0	41.1	26.4	23.4	2.4	2.5	0.0	-0.8	-4.7	-3.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,500	13,140 (571)	1,356 (0.1)	45.4	17.2	16.5	10.7	21.2	20.5	3.3	3.1	-0.5	0.2	-1.5	-3.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	79,000	5,926 (257)	173 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	-1.3	-1.6	9.3	3.3
IT	FPT	FPT CORP	76,200	59,734 (2,595)	218,712 (9.5)	0.0	15.0	12.7	15.5	25.2	26.2	3.3	2.9	0.0	-0.5	15.5	28.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhhd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.